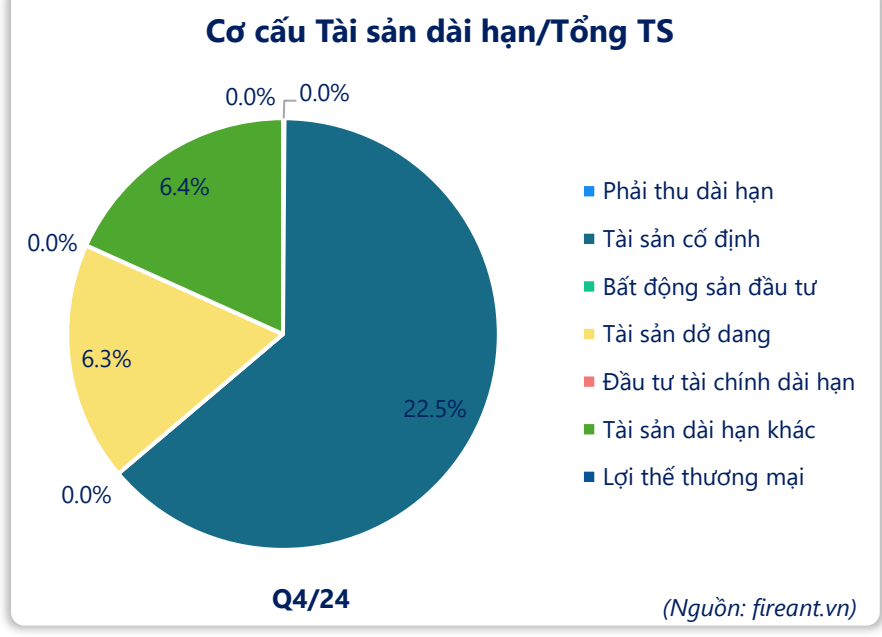
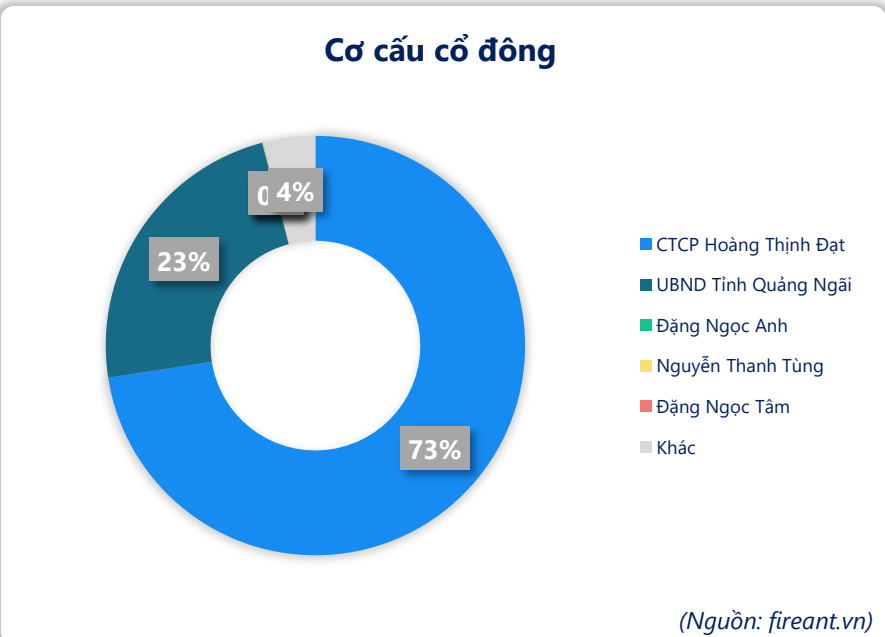
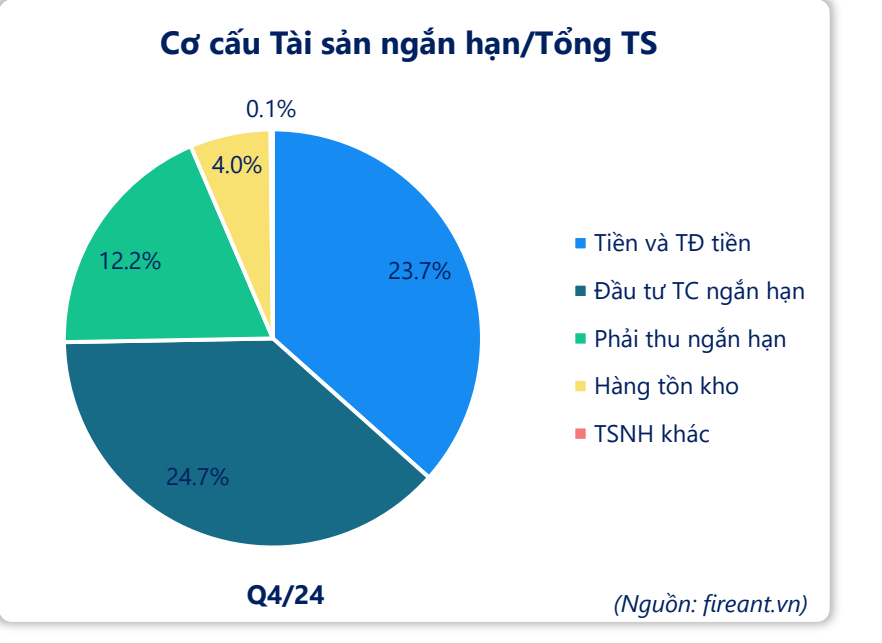
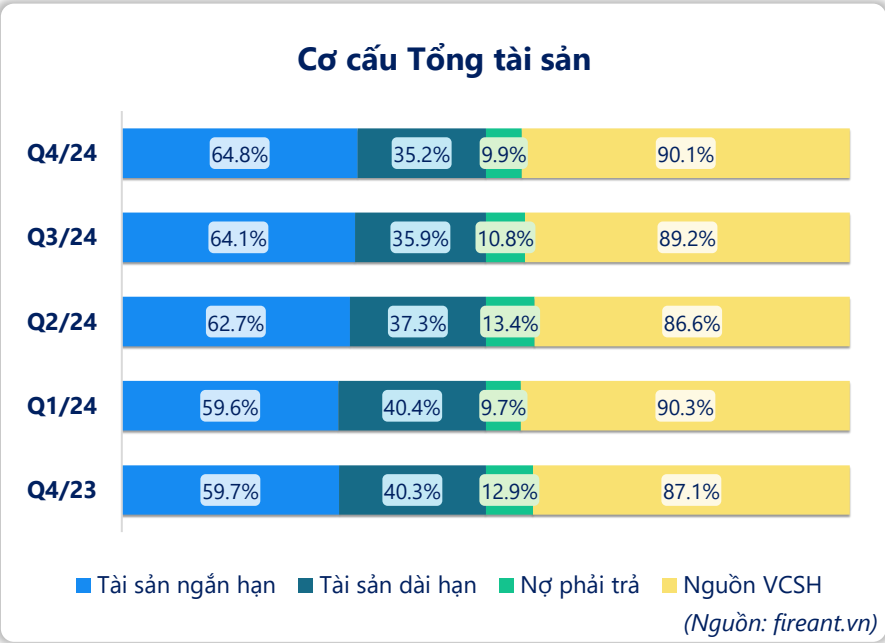
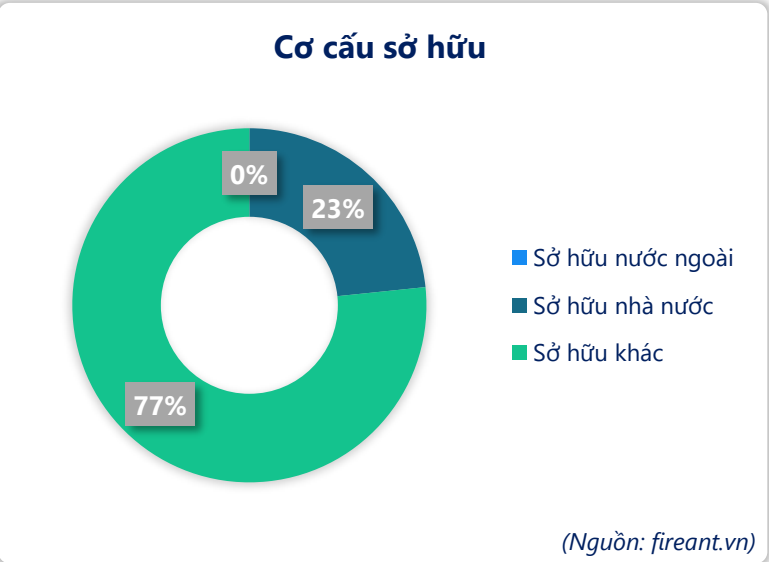
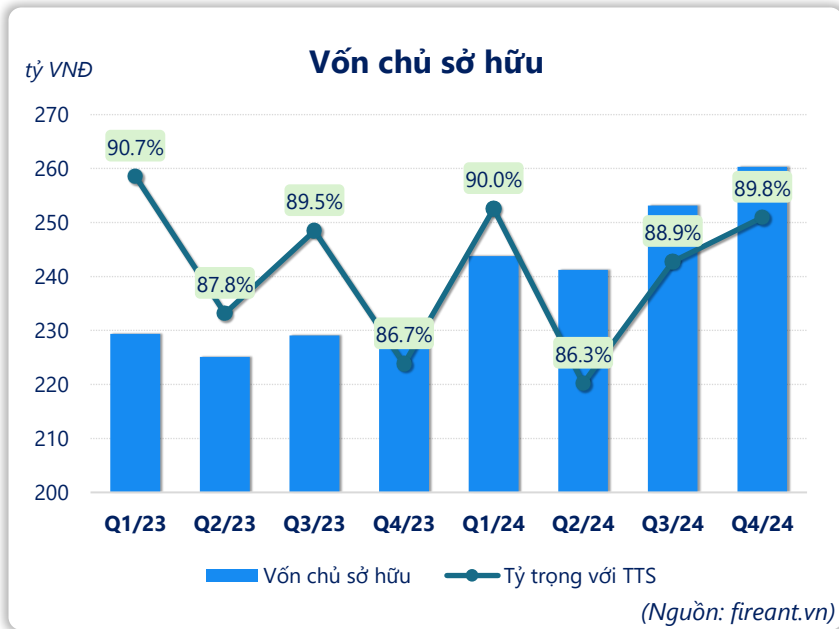
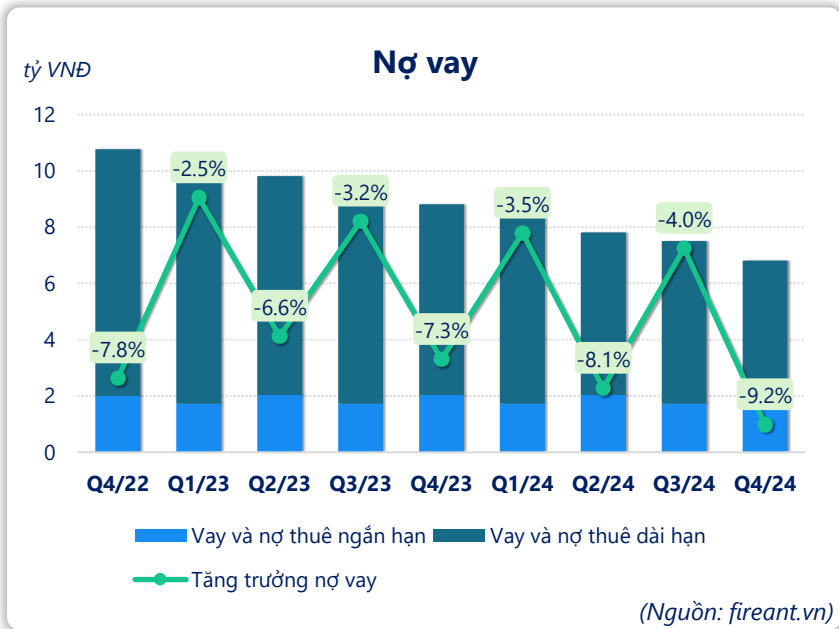
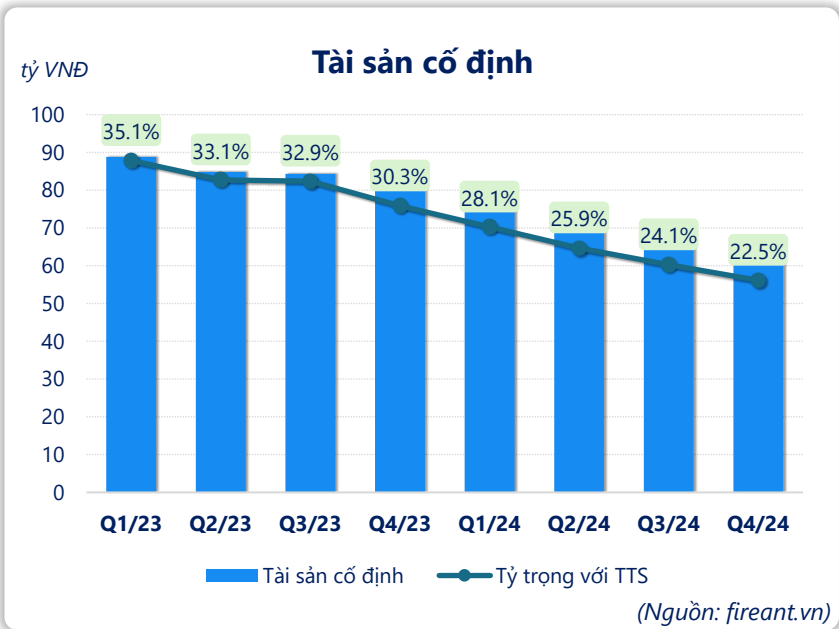
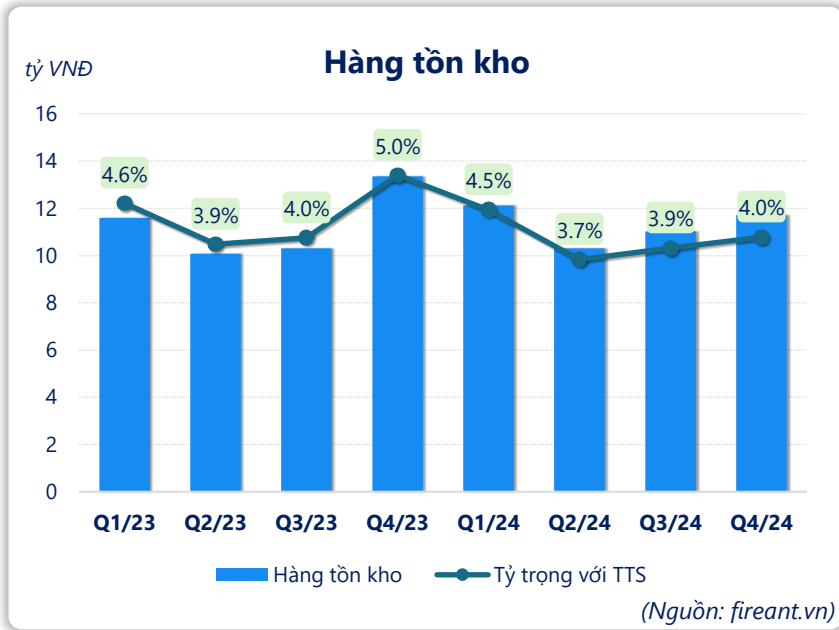
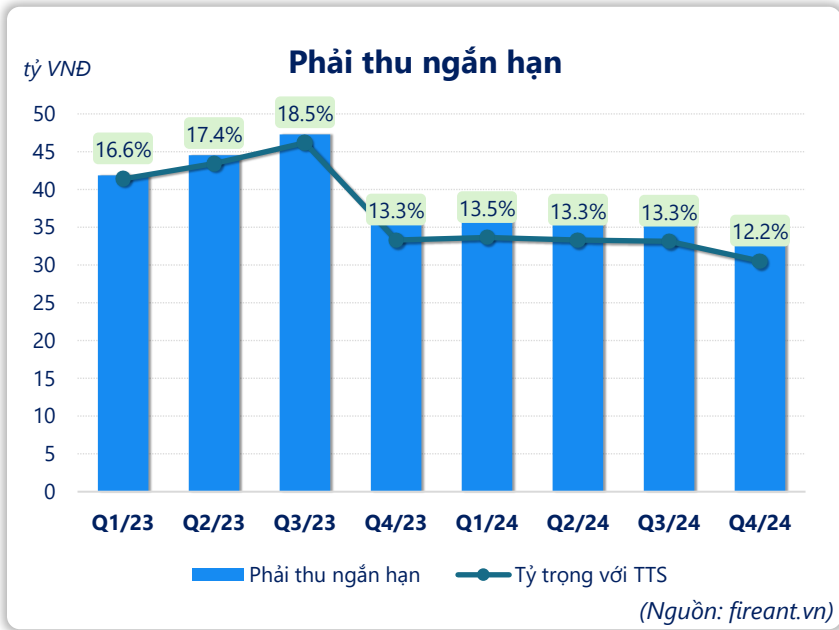
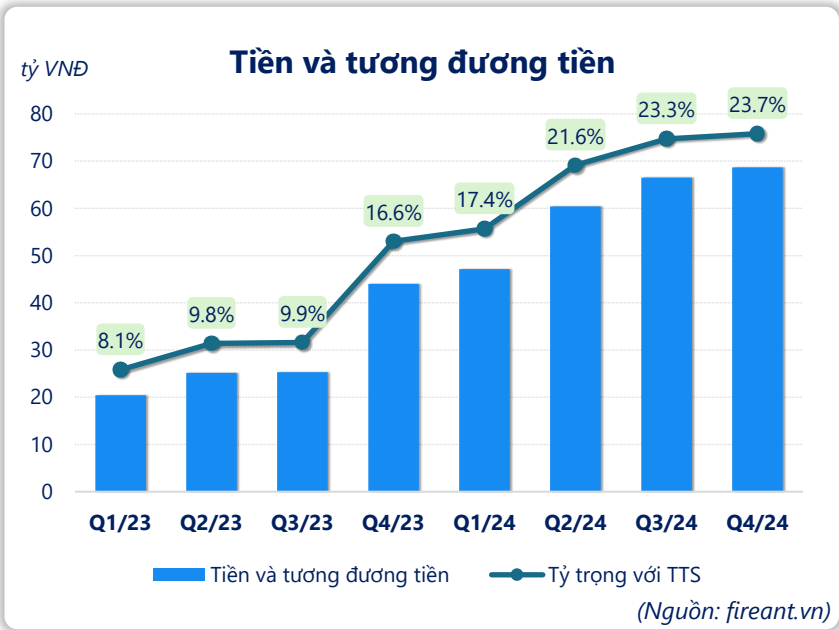
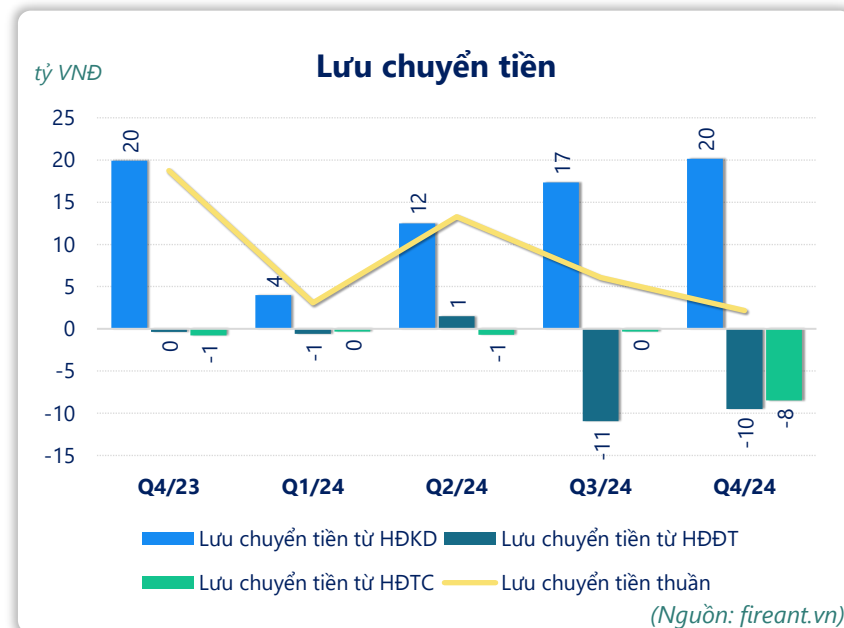
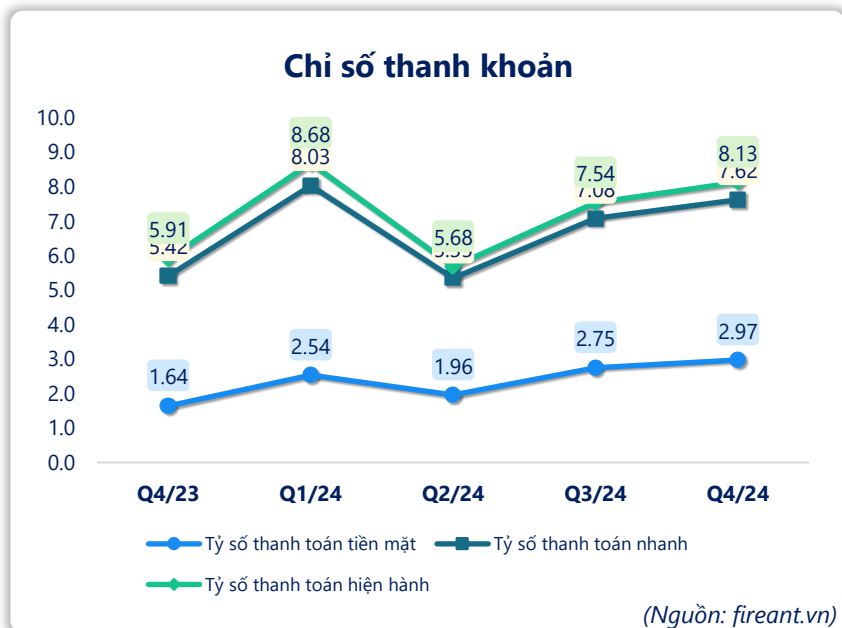
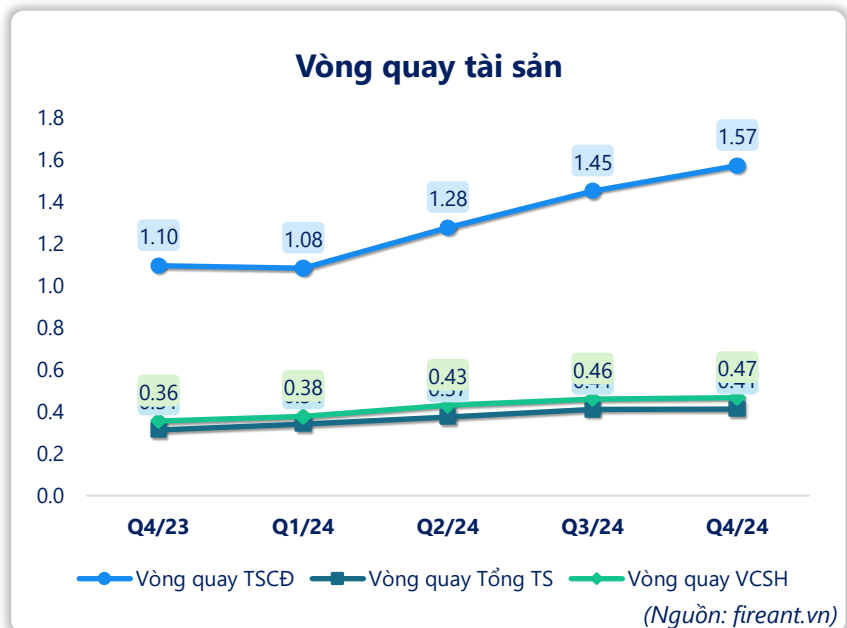
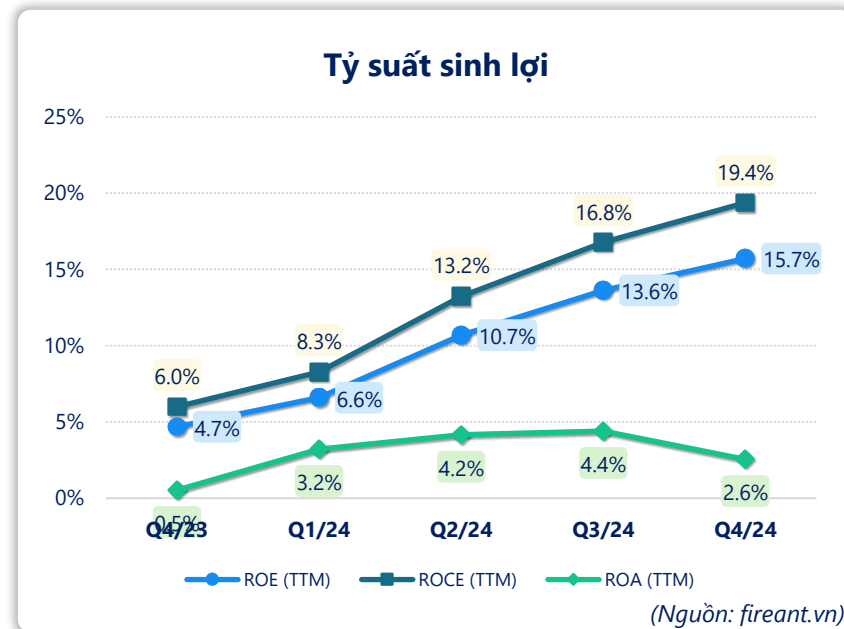
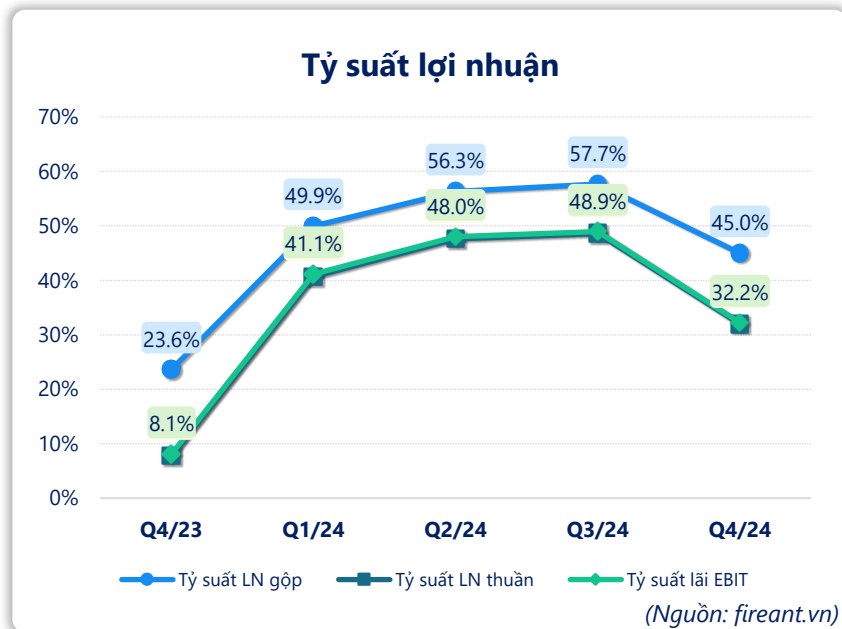
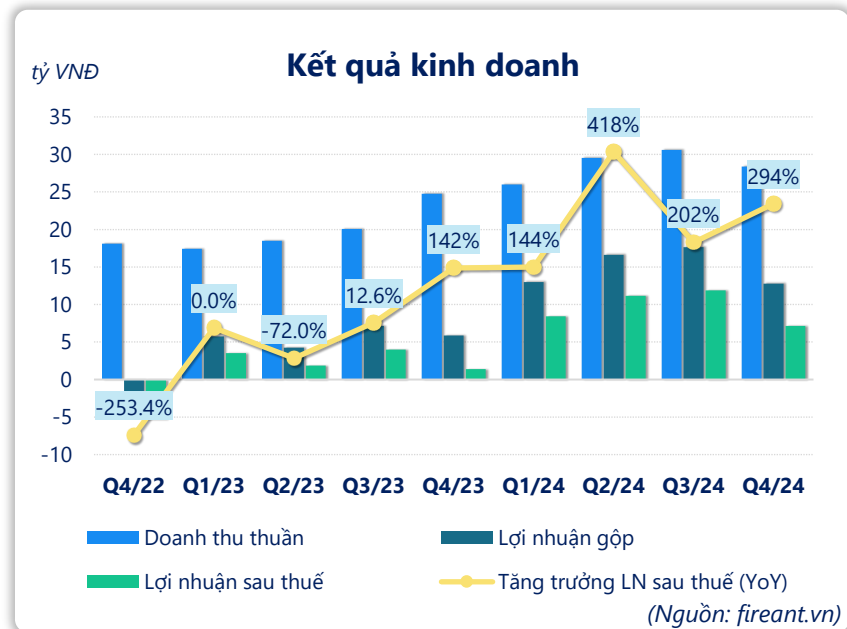


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		17,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,919
SL cổ phiếu LH		20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		145
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		354
P/E		9.2
EPS		1,928

	YTD	1T	3T	6T
QNW		-1.1%	6.6%	92.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	290	265	9.2%
Tài sản ngắn hạn	188	158	18.6%
Tiền và tương đương tiền	68.7	44.0	56.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	71.6	65.5	9.3%
Phải thu ngắn hạn	35.4	35.4	-0.1%
Hàng tồn kho	11.7	13.0	-10.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.34	0.25	35.5%
Tài sản dài hạn	102	107	-4.7%
Phải thu dài hạn	0.11	0.11	0.0%
Tài sản cố định	65.1	79.9	-18.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	18.3	8.69	111%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.00	0	
Tài sản dài hạn khác	18.7	18.5	1.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	28.6	34.0	-15.9%
Nợ ngắn hạn	23.1	26.4	-12.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.04	2.04	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.91	9.70	-59.6%
Nợ dài hạn	5.51	7.59	-27.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	4.77	6.77	-29.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	261	231	12.9%
Vốn chủ sở hữu	260	231	12.9%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.89	0.89	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	24.8	26.0	29.5	30.6	28.4
Giá vốn hàng bán	18.9	13.0	12.9	13.0	15.6
Lợi nhuận gộp	5.86	13.0	16.6	17.7	12.8
Doanh thu HĐTC	0.94	0.90	1.16	0.64	0.95
Chi phí TC	0.13	0.12	0.12	0.11	0.10
Chi phí lãi vay	0.13	0.12	0.12	0.11	0.10
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.36	1.03	1.29	0.96	0.98
Chi phí QLDN	3.38	2.16	2.31	2.36	3.55
LN thuần từ HĐKD	1.93	10.6	14.1	14.9	9.07
Lợi nhuận khác	-0.06	0.00	0.00	0.00	-0.03
LN trước thuế	1.87	10.6	14.0	14.9	9.04
Lợi nhuận sau thuế	1.38	8.44	11.2	11.9	7.13
LNST của CĐ cty mẹ	1.38	8.44	11.1	11.9	7.09

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.9	4.00	12.5	17.3	20.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.38	-0.60	1.48	-10.9	-9.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.80	-0.31	-0.69	-0.31	-8.49
Tiền đầu kỳ	25.3	44.0	47.1	60.4	66.5
Lưu chuyển tiền thuần	18.7	3.09	13.3	6.10	2.17
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	44.0	47.1	60.4	66.5	68.7

(Nguồn: fireant.vn)